

Số: 1570 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 20 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Công văn số 3545-CV/VPTU ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Thông báo kết luận cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy về số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3811/TTr-STC ngày 10 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

1. Ban hành số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

- Số lượng tối đa sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

- Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung: xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

2. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung (bao gồm xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số

72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh: giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (phương thức trực tiếp).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 1 thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đảm bảo theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại Điều 1 mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

3. UBND các huyện, thành phố (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy, Thành ủy) quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu và sự tuân thủ các quy định của pháp luật đối với nội dung thẩm định về số lượng số tối đa xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng được phê duyệt tại Quyết định này; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành định mức tối đa sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và hình thức quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVTH;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, TH(Kh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG TỐI ĐA XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA TỈNH CAO BẰNG

(kèm theo Quyết định số ~~1570~~ **1570** QĐ-UBND ngày ~~20~~ **20** / 11 / 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng) 

Đơn vị: chiếc xe

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa
	TỔNG:	181
I	Khối các Văn phòng cấp tỉnh	18
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4
2	Văn phòng UBND Tỉnh	7
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh	7
II	Các Sở, Ban, Ngành và tương đương cấp tỉnh	79
1	Sở Ngoại Vụ	2
2	Sở Xây dựng	2
3	Thanh tra tỉnh	2
4	Ban Dân tộc	2
5	Sở Nội vụ	3
6	Sở Tư pháp	3
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3
8	Sở Tài chính	3
9	Sở Công Thương	3
10	Sở Giao thông Vận tải	3
11	Sở Thông tin và Truyền thông	3
12	Sở Khoa học và Công nghệ	3
13	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	3
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	4
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	7
19	Sở Y tế	10
20	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh	2
21	Hội Nông dân tỉnh	2

22	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2
23	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1
24	Tỉnh đoàn	2
III	Các đơn vị sự nghiệp công lập và các Ban Quản lý Dự án (hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập)	5
1	Đài Phát thanh và Truyền hình	2
2	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình Giao thông tỉnh	1
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	1
4	Quỹ phát triển đất	1
IV	Các huyện, thành phố	79
1	Thành phố Cao Bằng	7
2	Huyện Bảo Lâm	8
3	Huyện Bảo Lạc	8
4	Huyện Hà Quảng	8
5	Huyện Hạ Lang	8
6	Huyện Hòa An	8
7	Huyện Nguyên Bình	8
8	Huyện Quảng Hòa	8
9	Huyện Thạch An	8
10	Huyện Trùng Khánh	8